

---

---

## ĐỌC SÁCH

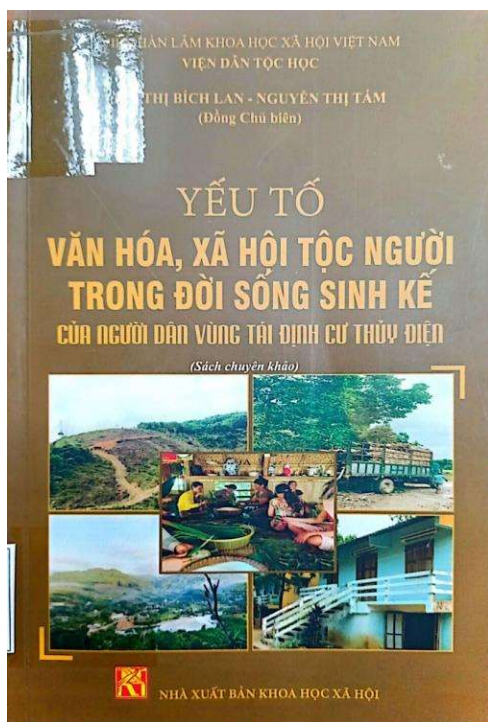
---

---

### YẾU TỐ VĂN HÓA, XÃ HỘI TỘC NGƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN

(Bùi Thị Bích Lan, Nguyễn Thị Tám (đồng chủ biên).

- H. : Khoa học xã hội, 2022. 259 tr.)



Cuốn sách dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ *Sinh kế của người Cơ-tu vùng tái định cư thủy điện A Vương và người Ca dong (Xơ-đăng) vùng tái định cư thủy điện Sông Tranh 2, tỉnh Quảng Nam* do TS. Bùi Thị Bích Lan và TS. Nguyễn Thị Tám làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện giai đoạn 2019 - 2020. Nghiên cứu đã phân tích tác động của một số yếu tố văn hóa, xã hội tộc người tới việc phục hồi và phát triển sinh kế ở các cộng đồng tái định cư, làm rõ những yếu tố có vai trò quyết định đến kết quả sinh kế của người dân qua hơn một thập niên tạo lập cuộc sống tại nơi ở mới. Cuốn sách góp phần cung cấp luận cứ khoa học trong việc xây dựng và đổi mới chính sách tái định cư, chính sách phát triển ở địa bàn nghiên cứu và trong các chương trình, dự án khác ở Việt Nam.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung cuốn sách gồm 4 chương:

#### **Chương 1: Tổng quan tài liệu, cách tiếp cận và khái quát về địa bàn nghiên cứu**

Qua tổng hợp các quan điểm của học giả trong và ngoài nước, nhóm tác giả chỉ ra rằng trong các nghiên cứu nước ngoài, yếu tố văn hóa, xã hội đã và đang được nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, sức mạnh vốn có. Vấn đề tiếp cận các nguồn lực được đánh giá là một phần cốt lõi của sinh kế nhưng cũng không nên nhìn nhận sinh kế chỉ là tiếp cận tài sản mang tính vật chất như vốn kinh tế, mà còn rất nhiều các tài sản khác về con người, xã hội, văn hóa. Việc sử dụng vốn văn hóa, xã hội để duy trì và đa dạng hóa sinh kế là một chiến lược nhằm cải thiện cuộc sống của người dân, đặc biệt là người dân nghèo ở khu vực nông thôn, tuy nhiên cũng cần chú ý về tầm quan trọng của mối liên hệ giữa những tài sản mà người dân có thể tiếp cận và những gì mà học có thể có trên thực tế để tiến hành các hoạt động sinh kế tạo ra thu nhập. Để giải quyết vấn đề nghèo đói thì cần lưu tâm tới nhận thức của chính cộng đồng về vấn đề này cũng như những phân tích vốn văn hóa xã hội ở cả hai mặt tích cực và không tích cực. Các nghiên cứu trong nước

về vấn đề này xuất hiện càng phổ biến trong khoảng một thập niên trở lại đây và tập trung vào những vấn đề bức xúc, nổi cộm trong quá trình chuyển đổi hơn là việc tìm tòi những nguồn lực phát triển. Các yếu tố văn hóa, xã hội tộc người trong phát triển sinh kế thường có tính hai mặt là tích cực và không tích cực, tuy nhiên yếu tố tích cực như giá trị của tri thức địa phương, tinh thần tương trợ sẽ chia trong các mối quan hệ xã hội được nhấn mạnh nhiều hơn.

Nhóm tác giả sử dụng lí thuyết về sinh kế bền vững của DFID và đưa ra khung phân tích. Tuy nhiên, trong các nguồn vốn của khung phân tích thì *vốn văn hóa* không được “gọi tên” trực tiếp mà chỉ được ngầm ẩn trong *vốn con người* và thay vì sử dụng khái niệm “vốn văn hóa”, “vốn xã hội”, nhóm tác giả dùng thuật ngữ “yếu tố văn hóa, xã hội” với mong muốn nhìn nhận được đầy đủ, toàn diện hơn về tác động của những “nguồn lực mềm” trong đời sống sinh kế của người dân vùng tái định cư.

### **Chương 2. Thực trạng sinh kế của người Cơ-tu và Ca dong vùng tái định cư**

Trong chương này, nhóm tác giả cho thấy bức tranh thực trạng sinh kế của người Cơ-tu và Ca dong vùng tái định cư trên các khía cạnh: hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và một số hoạt động sinh kế khác; thực trạng đói nghèo, thu nhập, mức sống và vấn đề đảm bảo sự bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Dựa trên các tư liệu và số liệu khảo sát thu thập được, nhóm tác giả cho thấy, trồng trọt vẫn là hoạt động sinh kế chủ yếu và chịu nhiều tác động nhất của tái định cư thủy điện, thể hiện ở sự thay đổi lớn về cơ cấu cây trồng, diện tích, kĩ thuật, năng suất và sản lượng. Với xu hướng mở rộng diện tích trồng keo, công việc làm thuê gắn với loại cây trồng này đang dần trở thành nguồn thu nhập chính của không ít hộ gia đình. Khai thác tự nhiên vẫn được duy trì, tuy nguồn lợi thu được không thường xuyên nhưng vẫn góp phần đáp ứng phần nào nguồn thực phẩm hàng ngày.

Vấn đề nổi cộm trong hoạt động này hiện nay là tình trạng thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm ổn định, lệ thuộc nhiều vào hoạt động khai thác nguồn lợi tự nhiên và các nguồn trợ cấp của Nhà nước. Điều này dẫn đến tỉ lệ hộ nghèo cao. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác lập phương án tái định cư chưa quán triệt nguyên tắc bảo đảm hệ sinh thái nhân văn bền vững và công tác mở rộng ngành nghề, đào tạo nghề phi nông nghiệp hậu tái định cư chưa được chú ý đúng mức.

### **Chương 3. Yếu tố văn hóa, xã hội tộc người trong đời sống sinh kế vùng tái định cư và những chiều cạnh tác động**

Trong chương này, nhóm tác giả phân tích các chiều cạnh tác động tới đời sống sinh kế người dân vùng tái định cư: mạng lưới, lòng tin, sự tham gia xã hội và sinh kế; chất lượng nguồn nhân lực và sinh kế; tri thức địa phương và sinh kế; tâm thế, ứng xử và sinh kế.

Theo đó, về mạng lưới xã hội, lòng tin xã hội và sự tham gia xã hội của người dân ở các địa bàn nghiên cứu, nhóm tác giả cho thấy “sự lỏng lẻo trong mạng lưới xã hội hiện nay đã làm suy giảm sự tương trợ về sinh kế giữa các thành viên trong cộng đồng, dòng họ, gia đình” (tr. 141).

Về chất lượng nguồn nhân lực, “sự hạn chế về trình độ học vấn đã và đang trở thành rào cản trong việc nâng cao năng suất lao động, thu hẹp cơ hội chuyển đổi hoặc tìm kiếm việc làm, đồng thời gây khó khăn cho việc ứng dụng khoa học kĩ thuật” (tr. 146); Ngoài ra, người dân (đặc biệt ở thôn 6) còn lo lắng về sức khỏe, họ cho rằng sức khỏe

của họ đang ngày càng kém đi do không được sử dụng thực phẩm sạch thường xuyên như trước đây. Nhiều người, đặc biệt là người cao tuổi còn hoài niệm về quê cũ, sức khỏe không được như trước và hao mòn dần do ít vận động (tr. 148 - 150).

Về tri thức địa phương, việc thay đổi môi trường tự nhiên cùng với nguy cơ thiếu lương thực và sản xuất không bền vững khiến cho tri thức địa phương ít được tích lũy, phát huy trong điều kiện mới. Thêm vào đó, người dân vẫn chưa nhận thức về sự cần thiết của việc áp dụng khoa học kỹ thuật mới trong lao động sản xuất, họ vẫn duy trì các phương thức sản xuất truyền thống vì cho rằng giống mới và kỹ thuật mới không phù hợp với tập quán ăn uống truyền thống của họ. Điều này ảnh hưởng không tích cực đến cơ hội tiếp cận khoa học kỹ thuật trong sản xuất để tăng năng suất và sản lượng nông nghiệp.

Về tâm thế, ứng xử và sinh kế, tại nơi ở mới, nhiều tín ngưỡng và văn hóa ứng xử của người Cơ-tu và Ca dong có giá trị tích cực trong việc bảo vệ môi trường bị mai một do không còn không gian để tồn tại. Điều này làm ảnh hưởng tới việc khai thác, bảo tồn và phát huy nguồn lực này trong đời sống sinh kế của họ. Nhìn chung, mối liên hệ, tương tác giữa họ với tự nhiên bao gồm đất đai, rừng và các dòng sông đã thay đổi. “Thay vì thái độ tôn kính, trân trọng, hàm ơn và gìn giữ, thì nay vì mục đích sinh tồn, họ sẵn sàng áp dụng kỹ thuật hiện đại để khai thác, dù nó gây nên những tác động không tích cực với môi trường xung quanh họ” (tr. 178). Quan niệm sinh kế gắn với tiền đã biến tiền thành một hệ giá trị mới và là phương tiện sử dụng trong tất cả các hoạt động sống hàng ngày. Tâm lý cộng đồng và cộng cảm đã dần phai nhạt thay vào đó là tâm lý cạnh tranh phát triển kinh tế, cạnh tranh thể hiện bản thân, đồng thời xuất hiện quan niệm rằng những hoạt động cộng đồng gây mất thời gian và không đem lại lợi ích gì” (tr. 188 - 189).

#### **Chương 4. Phát huy vai trò của yếu tố văn hóa, xã hội tộc người hướng tới phát triển kinh tế bền vững - vấn đề và giải pháp**

Trong chương này, nhóm tác giả nêu ra một số vấn đề liên quan tính bền vững của mô hình sinh kế mới; về sự “đứt gãy” của mạng lưới xã hội; sự tổn thất niềm tin và mức độ tham gia xã hội; chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập; những khuyết thiếu của “bệ đỡ tinh thần”. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả cũng gợi mở một số giải pháp từ phía nhà nước và phía người dân. Theo đó, nhóm tác giả nhấn mạnh tới vai trò của nguồn lực văn hóa xã hội tộc người trong phát triển sinh kế và cho rằng cần phải tích hợp được các nguồn vốn này vào chính sách, giảm thiểu những tác động không tích cực của chúng tới sự phát triển. Điều này, bên cạnh vai trò tiếp tục của các nhà quản lý, hoạch định chính sách thì cần sự vào cuộc của các nhà khoa học, các nhà tư vấn chính sách giúp khơi thông và phát huy tối đa các nguồn lực trong phát triển sinh kế của tộc người.

Ngoài kiến thức phong phú về lý luận và thực tiễn, cuốn sách còn cung cấp nhiều ảnh tư liệu về đời sống sinh kế của người Cơ-tu và Ca dong vùng tái định cư thủy điện A-Vương và Sông Tranh 2. Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu và những ai quan tâm vấn đề thúc đẩy sự phát triển bền vững cho người dân khu vực tái định cư thủy điện.

*Thu Hà*